

ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HIỆU SUẤT THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM VINACAPITAL (VinaCapital – VMPF)

DO CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẢN LÝ

Tháng 01 năm 2023

MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	5
ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI.....	6
CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG.....	9
Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ.....	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán.....	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ của Quỹ.....	9
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ.....	9
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	10
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	10
Điều 9. Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư.....	10
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	11
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	12
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	12
CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ... 12	
Điều 13. Nhà đầu tư.....	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư.....	13
Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư.....	14
Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ.....	14
Điều 17. Mua lại một phần và tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	16
Điều 18. Chuyển nhượng phi thương mại.....	17
Điều 19. Giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại.....	17
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	18
CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	18
Điều 21. Đại hội nhà đầu tư.....	18
Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của đại hội nhà đầu tư.....	19
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư.....	19
Điều 24. Thông qua Quyết định của đại hội nhà đầu tư.....	21
Điều 25. Phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư.....	21
CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	21
Điều 26. Ban đại diện Quỹ.....	21
Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ.....	22
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ.....	23
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ.....	23

Điều 30.	Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	23
Điều 31.	Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	24
Điều 32.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ	24
Điều 33.	Cuộc họp Ban đại diện Quỹ, thông qua quyết định của Ban đại diện Quỹ và biên bản họp Ban đại diện quỹ	24
CHƯƠNG 6.	CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	25
Điều 34.	Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ	25
Điều 35.	Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ	25
Điều 36.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ	28
Điều 37.	Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ	29
CHƯƠNG 7.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	30
Điều 38.	Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	30
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	30
Điều 40.	Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát	31
Điều 41.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát	32
CHƯƠNG 8.	CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	32
Điều 42.	Các hoạt động được ủy quyền	32
Điều 43.	Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	33
Điều 44.	Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	33
Điều 45.	Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	34
Điều 46.	Chấm dứt hoạt động ủy quyền	34
CHƯƠNG 9.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH	35
Điều 47.	Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ	35
Điều 48.	Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh	35
Điều 49.	Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ	36
CHƯƠNG 10.	KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	37
Điều 50.	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán	37
Điều 51.	Năm tài chính	37
Điều 52.	Chế độ kế toán	37
Điều 53.	Báo cáo tài chính	37
Điều 54.	Báo cáo khác	37
CHƯƠNG 11.	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	37
Điều 55.	Xác định giá trị tài sản ròng	37
Điều 56.	Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	38
Điều 57.	Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và cho Quỹ	39
Điều 58.	Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	39
CHƯƠNG 12.	GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	40
Điều 59.	Phân chia lợi tức	40

Điều 60.	Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng	41
Điều 61.	Thu nhập của Quỹ	42
Điều 62.	Chi phí của Quỹ	42
CHƯƠNG 13.	TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	42
Điều 63.	Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	42
Điều 64.	Chia, tách Quỹ	42
Điều 65.	Giải thể Quỹ.....	43
CHƯƠNG 14.	GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	43
Điều 66.	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ.....	43
CHƯƠNG 15.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 67.	Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư	43
Điều 68.	Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	44
Điều 69.	Đăng ký Điều lệ	44
Điều 70.	Điều khoản thi hành.....	44
	Các phụ lục đính kèm.....	44
PHỤ LỤC SỐ 1:	CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	45
PHỤ LỤC SỐ 2:	CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	47
PHỤ LỤC SỐ 3:	CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.	48
PHỤ LỤC SỐ 4:	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	49

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;;
5. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;;
6. Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;;
7. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;
8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;;
9. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
10. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và
11. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ” hoặc “Quỹ VinaCapital – VMPF”	Là Quỹ đầu tư Cổ Phiếu Hiệu Suất Thị Trường Việt Nam VinaCapital (sau đây gọi tắt là VinaCapital – VMPF), thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Công ty quản lý quỹ”	là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), chi tiết như được quy định tại Điều 6 của Điều Lệ này, hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (gọi tắt là “SCBVL”), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 39 Điều lệ này.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VinaCapital – VMPF, nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, công ty kiểm toán sẽ được đại hội nhà đầu tư chỉ định để thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ VinaCapital – VMPF.
“Điều Lệ Quỹ”	bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan

trọng có liên quan đến Quỹ VinaCapital – VMPF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VinaCapital – VMPF.

“Ban đại diện Quỹ”

là những người đại diện cho nhà đầu tư được đại hội nhà đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

“Vốn điều lệ”

là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.

“Chứng chỉ quỹ” hay “Chứng chỉ Quỹ VinaCapital – VMPF”

Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.

“Giá bán/giá phát hành”

Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một chứng chỉ quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Giá mua lại”

Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Giá dịch vụ quản lý quỹ”

Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”

Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho quỹ. Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ này.

“Cổ tức Quỹ”

Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.

“Năm tài chính”

Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

“Giá trị tài sản ròng của Quỹ” hay “NAV”

là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày trước ngày định giá.

“Ngày định giá”

là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ VinaCapital – VMPF theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều lệ Quỹ.

“Ngày giao dịch”	là Ngày mà Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ VinaCapital – VMPF thực hiện phát hành, mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
“Đại lý chuyển nhượng”	là Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ này.
“Đại lý ký danh”	là Đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sổ phụ.
“Đại lý phân phối”	là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ.
“Dịch vụ quản trị quỹ”	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ VinaCapital – VMPF.
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ VinaCapital – VMPF.
“Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán” hay “VSD”	Là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UBCKNN”	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“Người Có Liên Quan”	được hiểu và giải thích theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, hoặc quy định khác thay thế quy định tại khoản 46 Điều 4.
“Sự Kiện Bất Khả Kháng”	là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của một người mà làm cho người đó không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch hoặc pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> (a) thiên tai (như là, nhưng không giới hạn, cháy, nổ, động đất, hạn hán, sóng thần và lũ lụt); (b) chiến tranh, hành vi thù địch (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hành động của các thế lực thù địch nước ngoài, động viên, lệnh hoặc cấm vận; (c) nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, thế lực quân đội hoặc lật đổ hoặc nội chiến; (d) nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ chất thải hạt nhân do cháy nhiên liệu hạt nhân, vụ nổ chất phóng xạ hoặc các chất nguy hiểm khác từ vụ

nổ các hợp chất hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân của những hợp chất đó;

(e) bạo động, đình công, lãn công, đóng cửa nhà máy hoặc nổi loạn;

(f) hành động hoặc đe dọa khủng bố; hoặc

đạo luật, lệnh, quyết định hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh hoặc sửa đổi nào của pháp luật; hoặc khủng hoảng tài chính mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường tài chính của Việt Nam.

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan

“Các định nghĩa khác”

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ

Tên tiếng Việt: **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HIỆU SUẤT THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM VINACAPITAL**
Tên tiếng Anh: **VINACAPITAL VIETNAM MARKET PERFORMANCE EQUITY FUND**
Tên viết tắt: **VinaCapital – VMPPF**
Địa chỉ liên hệ: **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital**
Tầng 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: **(84 – 28) 3821 9930** Fax: **(84- 28) 3821 9931**
Website: **wm.vinacapital.com**

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của pháp luật và quy định của Điều Lệ này.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán

- Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành tối thiểu 5.000.000 (năm triệu) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (mười ngàn Đồng Việt Nam).
- Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
- Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa chứng chỉ quỹ được phát hành trừ khi đại hội nhà đầu tư có quyết định khác.
- Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối đa được phát hành sẽ do đại hội nhà đầu tư quyết định và được báo cáo với UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ của Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí

Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930

Fax: (84- 28) 3821 9931

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt nam) (“SCBVL”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 3248 4355

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là đầu tư vào các cổ phiếu chất lượng, có triển vọng về tỷ suất tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cao, hướng đến tạo thu nhập ổn định cho nhà đầu tư.

Điều 9. Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư

1. Chiến lược đầu tư của Quỹ VinaCapital- VMPF được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ dựa vào phân tích, đánh giá kinh tế vĩ mô, yếu tố thị trường, chu kỳ kinh tế. Những giai đoạn khác nhau sẽ có những cơ hội đầu tư khác nhau và từ đó chiến lược đầu tư sẽ được thay đổi phù hợp để không bỏ lỡ cơ hội gia tăng lợi nhuận cho Quỹ. Chiến lược đầu tư của Quỹ VinaCapital- VMPF bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào cổ phiếu có chất lượng, có triển vọng về tỷ suất tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cao.

2. Quỹ có thể đầu tư các tài sản tạo thu nhập cố định như tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.

3. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ dựa trên đánh giá của Công ty Quản lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm với mục tiêu xuyên suốt toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật.

4. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- (e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- (g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

5. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại Điểm (e) khoản 4, Điều 9 phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (a) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- (b) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- (c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm (a), (b) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này;
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính Phủ;
- (c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, và các tài sản (nếu có) quy định tại Điểm (a), (b) khoản 4 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d), (e) và (f) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại điều 4 phụ lục 4 Điều lệ này;
- (e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm (b), (d), (e) và (g) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (01) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dự nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ;
- (i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (k) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;

2. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (j) khoản 1 Điều 10 bên trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

- (c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp sai lệch do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
6. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại các điểm (a), (b) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- a. Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
 - c. Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận;
 - d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, việc điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa ba mươi (30) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính Phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty quản lý quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ này, bao gồm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và quy định liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư là các cá nhân hoặc tổ chức trong nước và nước ngoài, sở hữu ít nhất là một (01) chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu.

2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định pháp luật. Nhà đầu tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ mà tổ chức đó đang sở hữu. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế nào đối với người đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành từng thời điểm.

3. Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của công ty quản lý quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của công ty quản lý quỹ và Người Có Liên Quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ và trở thành nhà đầu tư với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ đang nắm giữ;
- (b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của quỹ;
- (c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ mở;
- (d) Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- (e) Thực hiện quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- (f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- (g) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- (h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- (i) Nghĩa vụ chấp hành các Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- (j) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
- (k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- (a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
- (b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Có căn cứ xác thực về việc Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được

giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

(ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ này;

(c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

(d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

(e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ này

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền cho Đại Lý Ký Danh (nếu có) lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) để xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Sổ Chính và Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;

(b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;

(c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

(d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về phần sở hữu của nhà đầu tư trên Sổ chính sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với chứng chỉ quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch chứng chỉ quỹ phải được tổ chức định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai (2) lần mỗi

tháng.

2. Tần suất giao dịch của Quý:

(a) Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ vào các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Giao Dịch kế tiếp.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được công ty quản lý quỹ cập nhật vào Bản cáo bạch, thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và công bố thông tin theo quy định. Việc giảm tần suất giao dịch phải được đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, và thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

3. Việc thực hiện lệnh mua của Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

(a) Một lệnh mua chứng chỉ quỹ được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận; lệnh mua phải gửi kèm theo các tài liệu hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ mở tại ngân hàng giám sát trong thời hạn quy định;

(b) Nhà đầu tư phải thanh toán số tiền mua chứng chỉ quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát trong thời hạn quy định tại Bản Cáo Bạch để Ngân hàng giám sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hệ đó. Mọi khoản đầu tư mua chứng chỉ quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng giám sát;

(c) Giá trị giao dịch của một lệnh mua phải không thấp hơn số tiền mua tối thiểu được công bố tại Bản Cáo Bạch vào từng thời điểm; và

(d) Số lượng chứng chỉ quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4. Việc thực hiện lệnh bán của Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

(a) Một lệnh bán chứng chỉ quỹ được xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư đặt lệnh bán đó và có đủ số lượng chứng chỉ quỹ để bán theo quy định tại Bản Cáo Bạch;

(b) Một Lệnh Bán Được Chấp Nhận có thể không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 của Điều Lệ này và quy định tại Bản Cáo Bạch;

(c) Việc thanh toán cho Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ trường hợp quy định tại Điều 17.4 Điều lệ này. Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mang tên nhà đầu tư hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản cáo bạch;

(d) Số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sau khi bán không được thấp hơn giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư được quy định tại Bản Cáo Bạch.

5. Nhà đầu tư được chuyển đổi quỹ khi công ty quản lý quỹ có từ 2 quỹ mở trở lên và có cùng đại lý chuyển nhượng. Một lệnh chuyển đổi nhằm bán chứng chỉ quỹ của Quý để mua chứng chỉ quỹ của quỹ khác được xem là Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi đó và sẽ được đồng thời xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận tương ứng với Số chứng chỉ quỹ được đặt để chuyển đổi. Quy trình thực hiện Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận được công bố tại Bản Cáo Bạch.

6. Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đó.

7. Nhà đầu tư có thể thực hiện chuyển nhượng phi thương mại dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện phán quyết của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền số chứng chỉ quỹ mà mình đang sở hữu. Một lệnh chuyển nhượng phi thương mại được xem là Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển nhượng được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.

8. Phù hợp với quy định tại Điều 17, các Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu hủy Lệnh Mua Được Chấp Nhận đó. Tất cả các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng phi thương mại Được Chấp Nhận nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng phi thương mại Được Chấp Nhận bị hủy đó, Nhà đầu tư phải đặt lệnh mới tại Ngày Giao Dịch tiếp theo.

9. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh đối với các Lệnh Được Chấp Nhận để thực hiện vào một Ngày Giao Dịch cụ thể là 14 giờ 40 phút tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ đó. Một lệnh mua được đặt trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch liền trước Ngày Giao Dịch tương ứng được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận để thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó.

10. Tất cả các khoản thanh toán để mua chứng chỉ quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, họ tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó.

Điều 17. Mua lại một phần và tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

(a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc

(b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:

(i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VND); hoặc

(ii) Giá trị phần chứng chỉ quỹ hoặc số chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn số chứng chỉ quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư đã được quy định tại Bản Cáo Bạch; hoặc

(iii) Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại điểm (i) bên trên) hoặc số chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được đại hội nhà đầu tư phê duyệt và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(iv) Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được đại hội nhà đầu tư phê duyệt và công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(v) Các trường hợp khác theo quyết định của đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên phải được thông báo trực tiếp cho Nhà đầu tư trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

3. Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực

hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện phần bị hủy của Lệnh Được Chấp Nhận, Nhà đầu tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư sẽ không áp dụng trong trường hợp các Lệnh Bán Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17.1.

4. Đối với trường hợp quy định tại Điều 17.1 (a), Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng. Ngoài ra, tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm đó, Công ty quản lý quỹ có thể bằng toàn quyền xem xét của mình thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận (thay vì chỉ thực hiện một phần) mà không phụ thuộc vào mức giới hạn quy định tại các Điều 17.1 (a) và (b) (i).

5. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng các giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

(a) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

(b) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;

(c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

6. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 17.5 trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

7. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 17.5 không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ Ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 17.7, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

9. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

10. Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 17.5 chấm dứt, các Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận đã được nhận trước thời điểm tạm dừng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức giá trị tài sản ròng của Ngày Giao Dịch đó.

Điều 18. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như tặng cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật và quy chế của Công ty quản lý quỹ tại từng thời điểm.

2. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

3. Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư trong Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của pháp luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công ty quản lý quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 19. Giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu của một chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ quy định và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Giá phát hành lần đầu là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ để mua 01 chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu, được tính bằng mệnh giá của 01 chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

2. Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua, bán, chuyển nhượng, chuyển đổi

chứng chỉ quỹ do Nhà đầu tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quý. Phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều Lệ của Quý, Công ty quản lý quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này nhưng phải công bố trong Bản Cáo Bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

3. Giá phát hành chứng chỉ quỹ được áp dụng khi Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành. Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.

4. Giá mua lại chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị tài sản ròng của mỗi chứng chỉ quỹ được mua lại, là mức giá mà Nhà đầu tư được thanh toán bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.

5. Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là mức giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải thanh toán khi chuyển đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng chỉ quỹ của quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.

6. Giá dịch vụ chuyển nhượng (phi thương mại) đối với chứng chỉ quỹ áp dụng đối với Nhà đầu tư thực hiện chuyển nhượng chứng chỉ quỹ không phải cho mục đích thương mại như để thừa kế, tặng, cho hoặc theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.

7. Mọi thay đổi về giá dịch vụ giao dịch chứng chỉ quỹ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này. Thời hạn áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quý

Trường hợp Quý bị thua lỗ, khoản lỗ được dồn sang năm sau để tính lợi nhuận lũy kế. Quý sẽ không chi trả lợi tức nếu lợi nhuận lũy kế bị lỗ.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quý và tất cả những nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự đại hội nhà đầu tư. Đại hội nhà đầu tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của pháp luật.

2. Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Họp đại hội nhà đầu tư thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ khi:

(a) việc tổ chức họp thường niên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được Ban đại diện Quỹ chấp thuận; và

(b) nội dung thảo luận và xin ý kiến đại hội nhà đầu tư không liên quan đến các vấn đề sau: (i) thay đổi cơ bản chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quý quy định tại Điều Lệ quỹ; (ii) thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát; (iii) thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát; hoặc (iv) chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quý; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư bất thường có thể được triệu tập trong những trường hợp sau:

(a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quý; hoặc

(b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ (5%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo quy định tại Điều 14.2 (b) Điều Lệ này.

4. Việc tổ chức họp đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 21.3 phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Điều 21.3, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này.

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của đại hội nhà đầu tư

Đại hội nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ;
2. Phê duyệt các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
3. Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
4. Quyết định phương án phân phối lợi tức;
5. Quyết định việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
7. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
8. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại đại hội nhà đầu tư;
9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư. Đại Hội Nhà đầu tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài các vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội.
2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc tham dự Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc thực hiện gửi phiếu biểu quyết từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
3. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 23.3, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự cuộc họp.
5. Thể thức, hình thức họp đại hội nhà đầu tư:
 - (a) Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting). Trường hợp cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

(b) Đại hội nhà đầu tư do Chủ tịch Ban đại diện Quý chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quý vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quý hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban đại diện Quý đứng ra chủ trì.

(c) Tất cả các cuộc họp của đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

6. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản:

(a) Công ty quản lý quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng Nhà đầu tư, đồng thời gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

(b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quý; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của Nhà đầu tư là tổ chức;

(iv) Số lượng chứng chỉ quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;

(v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vii) Thời hạn phải gửi về Công ty quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ; và

(ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư là tổ chức.

(c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà đầu tư), hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

(d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quý;

(ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty quản lý quỹ;

(iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(iv) Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách nhà đầu tư tham gia biểu quyết;

(v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(vi) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

(e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

(f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông

qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

(g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư.

Điều 24. Thông qua Quyết định của đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
3. Quyết định của đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của những nhà đầu tư dự họp thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.4 dưới đây.
4. Quyết định của đại hội nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại các Điều 22.2 và Điều 22.3 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư và chỉ được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của những nhà đầu tư dự họp thông qua.
5. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành, không phụ thuộc vào vấn đề lấy ý kiến.
6. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
7. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN, Ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 25. Phân đổi quyết định của đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phân đổi quyết định đã được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư về một số nội dung quy định tại các Điều 22.2 và Điều 22.3 có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại toàn bộ số chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi số chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phân đổi quyết định của đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Điều 25.1 đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty quản lý quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối trong thời hạn quy định tại Điều 25.1. Trong trường hợp này, nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại hay giá dịch vụ chuyển đổi. Giá mua lại chứng chỉ quỹ trong trường hợp này sẽ được xác định bằng giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch gần nhất kể từ khi công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư.

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

- (a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang

thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

- (b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử; Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

2. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:

- (a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán;
- (b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
- (c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

3. Trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 27 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm hoặc cơ cấu Ban đại diện Quỹ không đáp ứng quy định tại Điều 26.2, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ quy định theo Điều 27 Điều lệ quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là năm (05) năm, các thành viên Ban đại diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ. Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- (a) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; và
- (c) có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.

2. Thành viên Ban đại diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu chứng chỉ quỹ.

3. Thành viên Ban đại diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ trước ít nhất sáu mươi (60) ngày.

4. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

- (a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng Quản trị.

(b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;

(b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ; danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng;

(c) Phê duyệt danh sách các tổ chức tin dụng theo quy định tại Điều 10.6 Điều lệ này;

(d) Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức và phương thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh,

(e) Chấp thuận các giao dịch vào tài sản được phép đầu tư của Quỹ theo phương thức thỏa thuận. Chấp thuận của Ban đại diện Quỹ phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định;

(f) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

(g) Trường hợp được đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các điều từ Điều 22.2 đến Điều 22.9 của Điều Lệ này;

(h) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và

(i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật.

2. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại các Điều 22.2 đến Điều 22.9, trong trường hợp này Công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của đại hội nhà đầu tư.

3. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Điều Lệ này, quyết định của đại hội nhà đầu tư và quy định của pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quý;
- (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban đại diện Quý; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban đại diện Quý;
- (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quý; và
- (d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ này và của pháp luật.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quý

1. Trường hợp Chủ Tịch Ban đại diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quý được Chủ Tịch Ban đại diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Ban đại diện Quý.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban đại diện Quý theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban đại diện Quý sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Ban đại diện Quý

1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện Quý trong các trường hợp sau:
 - (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Điều lệ này;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quý trong các trường hợp sau:
 - (a) Bị cách chức thành viên Ban đại diện Quý khi có quyết định của đại hội nhà đầu tư;
 - (b) Tiết lộ các bí mật của Quý mà việc tiết lộ này ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Quý;
 - (c) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện Quý trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;
 - (d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quý.
3. Khi xét thấy cần thiết, đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện Quý; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quý ngoài trường hợp quy định tại Điều 32.1 và Điều 32.2

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện Quý, thông qua quyết định của Ban đại diện Quý và biên bản họp Ban đại diện quý

1. Chủ Tịch Ban đại diện Quý có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quý. Ban đại diện Quý phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước năm (05) ngày.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quý được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên.
4. Cuộc họp của Ban đại diện Quý được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quý có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
5. Chủ Tịch Ban đại diện Quý được quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Ban đại diện Quý bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban đại diện Quý mà không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Ban đại diện Quý.
6. Quyết định của Ban đại diện Quý được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban đại diện Quý.
7. Cuộc họp Ban đại diện Quý phải được ghi đầy đủ vào biên bản.

8. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của pháp luật;
2. Độc lập với Ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở; và
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ Điều Lệ của Quỹ và quy định của pháp luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
- (b) Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;
- (c) Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được đại hội nhà đầu tư thông qua và theo quy định của Điều Lệ và của pháp luật;
- (d) Công ty quản lý quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của công ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do công ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (e) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
 - (ii) Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (iii) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi; lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
 - (iv) Trường hợp đầu tư góp vốn, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết của Quỹ, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - (v) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty quản lý quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác khác do Công ty quản lý quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan

tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quý; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quý và nơi lưu ký các tài sản đó;

(vi) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quý trên hệ thống tài khoản của Quý quản lý tại Công ty quản lý quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quý tại Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quý;

(vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quý để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quý. Những người điều hành Quý nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quý có đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quý phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

(f) Công ty quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quý, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

(g) Trong hoạt động quản trị Quý và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư; và

(iii) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quý, hoạt động đại lý chuyển nhượng cho bên thứ ba. Trong việc ủy quyền hoạt động này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về hướng dẫn hoạt động Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

(h) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quý, danh mục tài sản của Quý, thông tin về giao dịch tài sản của Quý, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, các thông tin khác cho Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quý theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quý với Ngân hàng giám sát;

(i) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quý trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật hoặc quy định của Điều Lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục danh mục của Quý. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán vào tài sản của Quý;

(j) Công ty quản lý quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của công ty, quy trình kiểm soát nội bộ, sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tại từng vị trí công tác. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh rủi ro cho quỹ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động của công ty;

(k) Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quý do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty quản lý quỹ hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều Lệ này. Việc bồi thường cho Quý thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

(l) Công ty quản lý quỹ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét thấy cần thiết), hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quý trong các trường hợp quy định tại điểm (k) bên trên;

(m) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện và yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty quản lý quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng. Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty quản lý quỹ, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

(n) Công ty quản lý quỹ, Đại Lý Phân Phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

(o) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty quản lý quỹ, Đại Lý Phân Phối thông qua Công ty quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp;

(p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quý, Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

(i) Giá trị giao dịch trong một năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch của Quý trong năm đó; và

(ii) Giá trị giao dịch trong một năm thông qua công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch của Quý trong năm đó.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà Quý đó được thành lập.

(q) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quý, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quý và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;

(r) Thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo sơ hữu và công bố thông tin cho Quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

(s) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cũ người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

(t) Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản của Quý để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định liên quan. Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải được Ban đại diện Quý hoặc hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản, Điều Lệ Quý có quy định cho phép và được UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền liên quan chấp thuận bằng văn bản;

(u) Công ty quản lý quỹ phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- (v) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
- (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty quản lý quỹ;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; hoạt động thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
 - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- (w) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật.

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền và quyền hạn sau:

- (a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này và ký hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát;
- (b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền và trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư;
- (c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (d) Có quyền nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;
- (e) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư như được quy định tại Điều Lệ này và theo đó thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật;
- (f) Tham gia đại hội nhà đầu tư và các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ, bao gồm tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của các cơ quan này, theo quy định của Điều Lệ này;
- (g) Được quyền yêu cầu nhà đầu tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công ty quản lý quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của nhà đầu tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công ty quản lý quỹ và theo pháp luật hiện hành;
- (h) Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với các Đại Lý Phân Phối;

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- (a) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư;
 - (b) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - (c) Tổ chức lại Công ty quản lý quỹ;
 - (d) Quỹ hết thời gian hoạt động; hoặc
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ phải nhanh chóng tiến hành bàn giao các quyền, nghĩa vụ và thông tin, tại

liệu và hồ sơ của Quý cho đơn vị tiếp nhận (nếu có).

3. Trong trường hợp có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 36.1 ((a), Quý sẽ bồi thường cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí như sau:

(a) Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quý bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) giá trị tài sản ròng trung bình của Quý trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ; hoặc

(b) Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quý bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) giá trị tài sản ròng trung bình của Quý trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

Trong quá trình quản lý Quý, công ty quản lý quỹ chịu những hạn chế sau:

1. Công ty quản lý quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý;

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quý và ngược lại;

3. Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn, đầu tư vào Quý thông qua Đại Lý Chuyển Nhượng như một Nhà đầu tư thông thường theo các quy định của Điều Lệ này và của pháp luật;

4. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

(a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;

(b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch, và phải được quản lý tập trung tại Công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu;

6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quý do bên thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản giá dịch vụ đã được nêu rõ trong Điều Lệ này;

7. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quý, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

(a) Không được sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào chính Quý,

(b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

- (c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Hội Đồng Thành Viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- (d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức hoặc cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng mà pháp luật cho phép hoặc giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;
- (e) Không được đưa ra nhận định, cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty quản lý quỹ; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư;
- (f) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác;
8. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường;
9. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu của mình, vốn của Quỹ và các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau và với điều kiện là cơ cấu đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 10.1 vẫn phải được tuân thủ:
- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ về việc chào mua, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
- (b) Công ty quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
10. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này; và
11. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật:

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;
3. Có đầy đủ năng lực để cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký chứng khoán; và
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ như sau:
 - (a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
 - (b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;

- (c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- (d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- (e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
- (f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- (g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất quy định tại Điều lệ này, phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- (h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
- (j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- (k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;

2. Ngân hàng giám sát có các quyền như sau:

- (a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết;
- (b) Được quyền tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của đại hội nhà đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết; và
- (c) Được quyền nhận các loại giá dịch vụ cho việc cung cấp dịch vụ phù hợp với Hợp Đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ (thay mặt cho Quỹ) và Ngân hàng giám sát, quy định của Điều Lệ này và pháp luật.

Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

- (a) Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
- (b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, báo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
- (c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài

sản quỹ;

(d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

(e) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

(f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ quy định pháp luật của Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

5. Trường hợp công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

(a) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

(b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;

(c) Quỹ hết thời hạn hoạt động; bị giải thể; bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

(d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư của Quỹ;

2. Nếu Ngân hàng giám sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng giám sát thì quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của Ngân hàng giám sát chỉ có thể chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho ngân hàng giám sát thay thế.

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty quản lý quỹ được thuê nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ

theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều Lệ này và quy định liên quan của pháp luật.

2. Các hoạt động được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ bao gồm:

- (a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng; và
- (b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư.

3. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 42.1 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty quản lý quỹ và các bên cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Nhà cung cấp dịch vụ cần đạt các điều kiện sau:

1. Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín, đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
2. Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
3. Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
4. Am hiểu về pháp luật có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
5. Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ; và
6. Nhà cung cấp dịch vụ phải có hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền của Công ty quản lý quỹ:

(a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ này; và

(b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên. Phạm vi của hoạt động ủy quyền:

(i) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư bao gồm các hoạt động sau:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

(ii) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;
- Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

2. Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- (a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, để thực hiện hoạt động ủy quyền;
- (b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- (c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại Điều 42.2, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của Quý chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;
- (d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của Công ty quản lý quỹ; và
- (e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quý.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
3. Công ty quản lý quỹ phải định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty. Công ty quản lý quỹ, bằng chi phí của mình, được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định điều này. Định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền.
4. Công ty quản lý quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng quy trình, hệ thống, bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh trong phạm vi ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.
7. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
8. Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
9. Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 45.3 và các tài liệu liên quan khác phải được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị của Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện Quý, Ngân hàng giám sát và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;
 - (b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;

- (c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại Điều 43 và Điều 44.2;
- (d) Theo quyết định của Công ty quản lý quỹ;
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Điều 46.1, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác được Công ty quản lý quỹ thuê.

CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ

1. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối:

- (a) Là công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với công ty quản lý quỹ;
- (b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở;
- (c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ, lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai chứng chỉ quỹ theo thông lệ quốc tế;
- (d) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ;
- (e) Tại mỗi địa điểm có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng đại lý phân phối.

3. Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực hoặc đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà đầu tư đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế (nếu có).

4. Công ty quản lý quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 48. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh

1. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

- (a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- (b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được lờnng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi

nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

(c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư (sổ chính), xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

(d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

(e) Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư; và

(f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:

(a) Làm Đại Lý Ký Danh; và

(b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ mà mình đang làm Đại Lý Phân Phối.

3. Đại Lý Ký Danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của Điều Lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức liên quan phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ hoặc Quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc liếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm chưa đăng ký với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ và Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của đại hội nhà đầu tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Không phải là Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
2. Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm; và
3. Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 51. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan tới công tác kế toán áp dụng cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

2. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ để các Nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 54. Báo cáo khác:

3. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG 11. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt

động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định định kỳ theo ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố công khai theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 56. Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ.

2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý của tài sản có trong danh mục theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 4 và được quy định chi tiết tại sổ tay định giá của Quỹ do Công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật và phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

3. Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn lấy đến hai (02) số thập phân.

4. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.

5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

7. Kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

8. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:

(a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;

(b) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ

9. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

10. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được nêu trong Phụ Lục 4 và được quy định chi tiết

trong sổ tay định giá do Công ty quản lý quỹ xây dựng phù hợp với Điều Lệ này và các quy định có liên quan.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và cho Quý

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quý và Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quý bị định giá sai với mức độ sai sót từ một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quý bị định giá thấp, mức đền bù cho Quý và Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - (a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian Quý bị định giá sai và bán chứng chỉ quỹ trong thời gian Quý bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đã bán; và
 - (b) Đối với Quý, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà Quý đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quý bị định giá cao, mức đền bù cho Quý và Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - (a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian Quý bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quý bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai; và
 - (b) Đối với Quý, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà Quý đã phát hành ra trước thời gian Quý bị định giá sai và Quý đã mua lại trong thời gian bị định giá sai.
4. Mọi chi phí đền bù cho nhà đầu tư và cho Quý phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Trường hợp đại hội nhà đầu tư chấp thuận, chi phí đền bù cho Quý và nhà đầu tư theo quy định tại các Điều 57.2 (a) và Điều 57.3 (a) được hạch toán vào Quý.
5. Trường hợp mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư theo quy định tại các Điều 57.2 và Điều 57.3 nhỏ hơn một trăm nghìn (100.000) Đồng Việt Nam, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quý thay vì thanh toán cho nhà đầu tư, trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư có quy định khác.
6. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quý trong các trường hợp:
 - (a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ;
 - (b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật;
 - (c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Điều 10.2 của Điều Lệ này.
7. Mức đền bù cho Quý trong các trường hợp quy định tại Điều 57.6 được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quý.
8. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Quý, nhà đầu tư theo quy định tại Điều 57.1 và Điều 57.6 được thực hiện thông qua Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với Ngân hàng giám sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho nhà đầu tư và Quý.
9. Việc bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và quý phải được Công ty quản lý quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hàng năm của quý, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư, mức đền bù cho quý, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).
10. Các trường hợp đền bù khác thực hiện theo quy định của pháp luật và/ hoặc Điều Lệ này.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quý và cập nhật với Ban đại diện Quý mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp

báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;
 - (b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
 - (c) Không phải là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.
2. Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý quỹ đề xuất để Ban đại diện Quỹ quyết định khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
- (a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - (b) Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
 - (c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

CHƯƠNG 12. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 59. Phân chia lợi tức

1. Quỹ phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
2. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Việc phân chia lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận trước của đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ này).
3. Việc chi trả lợi tức của quỹ phải đảm bảo nguyên tắc:
 - (a) Lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi quỹ đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
 - (b) Nguồn chia phải từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động;
 - (c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm);
 - (d) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và được đại hội nhà đầu tư thông qua;
 - (e) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức không thấp hơn 50 tỷ đồng;

4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.
5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - (a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ);
 - (b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - (c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ);
 - (d) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân

chia lợi nhuận; và

(e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của Quý.

6. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quý hoặc phân chia tài sản của Quý đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.

7. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

8. Vì quyền lợi của Nhà đầu tư, Ban đại diện Quý có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quý cho Nhà đầu tư. Ban đại diện Quý sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước đại hội nhà đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quý.

Điều 60. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho công ty quản lý quỹ:

Giá dịch vụ quản lý Quỹ là không phải chín mươi lăm phần trăm (0,95%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quý (đã bao gồm VAI nếu có). Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính tại mỗi kỳ định giá và được Quý thanh toán hàng tháng cho Công ty quản lý quỹ. Tổng giá dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ của kỳ định giá = 0,95% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

Trong mọi trường hợp tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ quản trị quỹ không được vượt quá hai phần trăm (2%) một năm trên tổng giá trị tài sản ròng của Quý theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí thường hoạt động: Quý không áp dụng chính sách thường hoạt động.

3. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký, quản trị quỹ được trả cho ngân hàng giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký và quản trị quỹ cho Quý. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá và được trả hàng tháng. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng, cụ thể như sau:

(a) Giá dịch vụ giám sát là không phải không ba phần trăm (0,03%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quý (chưa bao gồm VAT nếu có), mức giá dịch vụ tối thiểu là hai mươi mốt triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm VAT nếu có);

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quý được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười bốn triệu bảy trăm ngàn (14.700.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm VAT)

Giá Dịch Vụ Giám Sát của kỳ định giá = 0,03% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

(b) Giá dịch vụ lưu ký là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quý (chưa bao gồm VAT nếu có), mức phí tối thiểu là mười bảy triệu (17.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm VAT nếu có);

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quý được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười một triệu chín trăm ngàn (11.900.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm VAT nếu có)

Giá Dịch Vụ Lưu Ký của kỳ định giá = 0,05% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

(c) Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối đa là không phải không bốn phần trăm (0,04%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quý, mức phí tối thiểu là ba mươi triệu (30.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm VAT nếu có);

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quý được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là hai mốt triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm VAT nếu có)

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của kỳ định giá = 0,04% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày

thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

- (d) Các mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, chi phí pháp lý và chi phí tem thư.
4. Giá dịch vụ giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:
- (a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán theo thực tế phát sinh và được quy định cụ thể trong hợp đồng cung cấp dịch vụ của ngân hàng lưu ký và Giám sát, và
- (b) Giá dịch vụ giao dịch khác, bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ khác liên quan tới giao dịch tài sản của Quý.
5. Tiền giá dịch vụ trả cho Đại Lý Chuyển Nhượng:

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Chi tiết các phí khác liên quan đến dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được chi tiết trong bản cáo bạch.

Điều 61. Thu nhập của Quý

Thu nhập của Quý bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lợi tức trái phiếu, lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi hoặc các sản phẩm có thu nhập cố định;
3. Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư và thoái vốn của Quý;
4. Các khoản thu nhập khác.

Điều 62. Chi phí của Quý

1. Chi phí quản lý quỹ trả cho công ty quản lý quỹ.
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát quỹ trả cho ngân hàng giám sát.
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
4. Thù lao cho Ban đại diện Quý.
5. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
6. Chi phí kiểm toán trả cho công ty kiểm toán.
7. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quý; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện Quý.
8. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
9. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
10. Thuế và các loại phí bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quý và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 63. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 64. Chia, tách Quỹ

1. Điều kiện chia, tách Quỹ bao gồm:
 - (a) Được đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách;
 - (b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Chứng Khoán;
 - (c) Các quỹ hình thành sau chia, tách phải được giám sát bởi Ngân hàng giám sát.
2. Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 65. Giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà Ban đại diện Quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - (b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, hoặc Hợp Đồng Giám Sát giữa Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ bị chấm dứt; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - (c) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
 - (d) Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
 - (e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;
2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Việc thanh lý, giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ:
 - (a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ với các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - (b) Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác, tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - (c) Tuân thủ các quy định khác tại Điều Lệ này và pháp luật.
2. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.
3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành;

CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ khi được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

3. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty quản lý quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà đầu tư đăng ký. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty quản lý quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.
4. Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư một (01) tuần sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà đầu tư đăng ký với Công ty quản lý quỹ.
5. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành Quý nhận.
6. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được đại hội nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 69. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ Quý này bao gồm 15 Chương, 70 Điều và 04 Phụ Lục được đại hội nhà đầu tư của Quý thông qua và UBCKNN phê duyệt lần đầu và có hiệu lực thi hành kể từ ngày [●] tháng [●] năm [●] và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Các bản trích hay sao y của Điều Lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ Tịch Ban đại diện Quý hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ mới có giá trị.
3. Điều lệ này được lập thành năm (05) bản chính có giá trị như nhau bằng Tiếng Việt:
 - (a) Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - (b) Hai (02) bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ; và
 - (c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 70. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quý. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Các phụ lục đính kèm

- Phụ lục số 1: Cam kết của công ty quản lý quỹ.
Phụ lục số 2: Cam kết của ngân hàng giám sát.
Phụ lục số 3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
Phụ lục số 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quý.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930

Fax: (84- 28) 3821 9931

(sau đây gọi là "Công ty quản lý quỹ")

cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Nam theo chỉ số VN30 (sau đây gọi là "Quỹ"):

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp Cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ quỹ mà các Nhà đầu tư đang nắm giữ;
 - (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ; và
 - (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ này và của pháp luật.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi của các Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho các Nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đổi chiều tài sản có/nợ

của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất; và

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt nam) (“SCBVL”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 32 48 43 55

(sau đây gọi là “Ngân hàng giám sát”)

cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư; và
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Bùi Thị Huyền Trang

Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84- 28) 3821 9931

(sau đây gọi là “Công ty quản lý quỹ”)

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt nam) (“SCBVL”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 32 48 43 55

(sau đây gọi là ngân hàng giám sát”)

Cùng cam kết:

1. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại đại hội Đồng Cổ Đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội Đồng Thành Viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn; và
4. Không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Tổng Giám đốc

Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
 - 1.1 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ và cập nhật với Ban đại diện Quỹ mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
 - c) Không phải là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.
 - 1.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
 - a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - b) Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.
 - c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.
2. Quy trình định giá
 - 2.1 Trước ngày định giá, các nghiệp vụ sẽ được cập nhật khi phát sinh bao gồm:
 - a) Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong kỳ;
 - b) Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến quỹ, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng mua/bán chứng chỉ tiền gửi;
 - c) Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thường phát sinh liên quan đến chứng khoán mã quỹ đang nắm giữ;
 - d) Các nghiệp vụ phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ phát sinh sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
 - e) Đối chiếu số dư tại ngân hàng lưu ký, giám sát.
 - 2.2 Tại ngày định giá:
 - a) Xác định NAV/chứng chỉ quỹ theo phương pháp quy định tại mục 3.
 - b) Công bố thông tin về NAV/chứng chỉ quỹ.
3. Phương Pháp Định Giá Tài Sản

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ đồng ý và thông báo kịp thời tới Ngân hàng giám sát.

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền, Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu (ii) Một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái Phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt
7.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết	Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá
8.	Trái phiếu không niêm yết	Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
		<ul style="list-style-type: none"> (i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc (ii) Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ Phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác), tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của 03 tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc (ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc (iii) Giá trị sổ sách; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên	Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
15	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.
Chứng chỉ quỹ		
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá theo chi tiết tại sổ tay định giá hoặc (ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá trị sổ sách; hoặc (v) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
17.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
Chứng Khoán phái sinh		

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các Tài Sản Khác		
20	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- (i) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- (ii) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- (iii) Giá trị thanh lý của 1 cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- (iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VBMA) để tham khảo.
- (v) Ngày thuộc Phụ lục 4 này được hiểu là ngày theo lịch

4. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

- 4.1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quý là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế;
- 4.2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở;
Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán;
Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quán trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (*) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta (**)

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (***) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

(**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(***) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).